



yǒng jiǔ xìng

永久性

noun · permanence, permanent nature

Example Sentences

zhè ge jué dìng shì yǒng jiǔ xìng de

这个决定是永久性的。

This decision is permanent.

dì zhèn zào chéng le yǒng jiǔ xìng de pò huài

地震造成了永久性的破坏。

The earthquake caused permanent damage.

Trace each character, then write the word on your own.

永 永 永 永 永 永 永 永

久 久 久 久 久 久

性 性 性 性 性 性 性 性 性 性 性